

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 12 - 2022

V/v: Không công nhận là vợ chồng;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Duy Thanh; 2. Bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:
Ông Dương Hoàng Long – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc “*Kiện không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ánh T, sinh năm 1964 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Ánh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công

nhận ông và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Lê Ngọc A – sinh năm 1990. Con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về thời gian chung sống và con chung như ông T trình bày là đúng bà không bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu không công nhận là vợ chồng của ông T thì bà xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Lê Ngọc A – sinh năm 1990. Con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ánh T. Tuyên bố ông Lê Ánh T và bà Nguyễn Thị L không phải là vợ chồng. Về án phí: Ông Lê Ánh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ông Lê Ánh T và bà

Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc chung sống như vợ chồng giữa ông T và bà L không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, hôn nhân giữa ông T và bà L không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống các bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả ông T và bà L đều có yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Vì vậy, việc tuyên bố ông Lê Ánh T và bà Nguyễn Thị L không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Lê Ngọc A – sinh năm 1990. Con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ánh T.

1. Tuyên bố ông Lê Ánh T và bà Nguyễn Thị L không phải là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Lê Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013650 ngày 27/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND xã Cư Dliêmnông
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý

